

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 28- 3 -2025

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Hồ Thị Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Hoàng Phương – Thư ký TAND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Phương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988; có mặt

Địa chỉ: Xóm 1, xã KC, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1951; có mặt

Địa chỉ: Xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị K, sinh năm 1958; có mặt

Địa chỉ: Xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1986; có mặt

Địa chỉ: Xóm 2, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

3. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 4, xã TT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4. Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1993; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐT, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

5. Ông Hoàng Anh C, sinh năm 1955; có mặt
Địa chỉ: Xóm 9, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

6. Ông Hoàng Đình Q, sinh năm 1951; có mặt
Đại diện dòng họ Hoàng Đình tại xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
Địa chỉ: Xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Cụ Hoàng Đình Tiến lấy cụ Vũ Thị D năm 1950, sinh được hai người con là Hoàng Đình H và Hoàng Thị Q. Đến năm 1982, ông H hi sinh khi chưa có vợ con. Do không có con trai nối dõi nên ông T lấy thêm bà Vũ Thị K năm 1986 về ở cùng với ông T và bà D. Khi bà K lấy ông T thì đang mang thai chị Hoàng Thị N nên chị N sinh ra khai sinh bố đẻ là Hoàng Đình T, mẹ là Vũ Thị K, cụ T cũng yêu thương chăm sóc chị N như cha con ruột. Sau đó, cụ T và bà K sinh thêm 03 người con là Hoàng Thị H, Hoàng Thị T, Hoàng Thị Đ. Năm 1994, cụ T chết không để lại di chúc. Cụ D ở với bà K đến năm 2006 thì cụ D chết, không để lại di chúc. Quá trình chung sống, cụ Tiến và cụ D có tạo dựng được tài sản là thửa đất số 851 tờ bản đồ số 5, diện tích 548 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo bản đồ 299), theo bản đồ địa chính đo năm 1996 là thửa 457 tờ bản đồ số 11, diện tích 920 m² và theo bản đồ đo số năm 2015 là thửa số 77 tờ bản đồ số 22 diện tích 910,3 m², tại xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Cụ Tiến và cụ D có xây dựng được 02 ngôi nhà cấp bốn nhưng hiện nay đã cũ nát, không còn giá trị sử dụng. Bà K ở trên thửa đất này, trông coi, tôn tạo, bảo quản, bồi trúc di sản cho đến nay. Năm 2018, gia đình anh em bàn bạc thỏa thuận gia đình cụ T hiến một phần đất có diện tích khoảng 300 m² để xây dựng nhà thờ họ Hoàng Đình nên hiện nay trên thửa đất này có cả nhà thờ của dòng họ Hoàng Đình. Năm 2022, bà K nhận được tiền theo chế độ hộ nghèo để sửa sang lại nhà nhưng ông Hoàng Anh C và bà Hoàng Thị Q không cho nên phát sinh tranh chấp. Nay chị H yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế của cụ Hoàng Đình T để lại theo pháp luật là $\frac{1}{2}$ diện tích đất có chung với bà Vũ Thị D tại thửa 851 tờ bản đồ số 5 tại xóm 1, xã QT, huyện QL, phần tài sản của ông T được xác định là 469,3 m², phần tài sản của chị được nhận chị xin giao lại cho bà Vũ Thị K được quản lý sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Hoàng Thị Q trình bày:

Bà thống nhất như chị H trình bày về quan hệ huyết thống, tài sản thừa kế của cụ T và cụ D để lại. Bà là con đẻ của cụ D và cụ T. Cụ T có để lại di chúc nhưng

không rõ ràng, cụ thể. Cụ D chết năm 2006, không để lại di chúc. Thừa đất của cụ Tiên cụ D để lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 253867 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 01/01/1996 cho cụ Vũ Thị D tại thửa 851 tờ bản đồ số 5 với diện tích 548 m². Sau khi cụ T và cụ D chết thì ông C đứng ra lo cúng đơm, hương hỏa trong gia đình cũng có công bồi trúc, trồng hoa màu để bảo vệ và tôn tạo di sản. Nay chị H khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản của cụ T có chung với cụ Vũ Thị D là ½ thửa đất số 851 tờ bản đồ số 5, tại xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An thì ý kiến của bà là nhất trí chia thừa kế theo pháp luật, đề nghị Tòa án không xem xét di chúc và đồng ý cắt chia cho bà K phần diện tích đất có kích thước là 7m chiều rộng và chiều dài kéo từ phía Bắc thửa đất lên phía Nam thửa đất, bà thống nhất giao phần đất ở của bà được nhận cho bà K sử dụng để đảm bảo việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này. Phần tài sản là đất vườn của bà được nhận thì bà xin nhận và giao cho ông Hoàng Anh C được sử dụng sở hữu, đồng thời đối với phần tài sản của cụ D để lại mà bà được hưởng thì bà đề nghị Tòa án giao lại cho ông Hoàng Anh C được quản lý sử dụng. Đối với phần tài sản là nhà thờ xây trên đất của bố mẹ bà thì bà có ý kiến để nguyên nhà thờ trên đất vì gia đình, anh em đã bàn bạc thống nhất xây nhà thờ trên đất của bố mẹ bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Anh C trình bày:

Cụ Hoàng Đình T là chú ruột của ông C. Cụ T lấy hai vợ nhưng không có con trai nối dõi nên năm 1994 trước khi chết, cụ T lập di chúc ngày 06/2/1994 có nội dung giao cho ông C có trách nhiệm thờ tự ông bà tổ tiên, lo cho các em và giao tài sản cho ông C nhưng không cụ thể các tài sản như thế nào nên không đề nghị Tòa án xem xét bản di chúc. Sau khi cụ T mất, cụ D bị mù mắt, ông lo việc các công việc cúng đơm, trông coi, bảo quản di sản của ông Tiên bà D.

Ông C thống nhất về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của cụ T, cụ D để lại. Năm 2018 thì anh em, họ hàng họp bàn và thống nhất xây nhà thờ trên đất của cụ Tiên và cụ D với diện tích xây dựng khoảng 300 m². Tại thời điểm xây dựng thì phần nhà thờ này vẫn nằm trên phần đất ở đất vườn, cách đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K khoảng gần 1 m, vì khi đó có gốc cây dừa giữa đất ở và đất nông nghiệp thì anh em nói sợ xây nhà lún đất nên còn cách gốc cây dừa khoảng 50cm nữa. Khi đó phần đất nông nghiệp của bà K vẫn chưa bồi trúc là ruộng lúa nên việc phân định đất ở và đất vườn dễ dàng. Vì vậy việc đo đạc có một phần sai sót nên dẫn đến việc xác định phần nhà thờ có xây lấn sang đất nông nghiệp, còn thực sự hiện trạng khi xây nhà thờ không lấn sang phần đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K. Đối với ngôi nhà thờ của dòng họ Hoàng Đình xây trên thửa đất thì ông đề nghị vẫn giữ nguyên như vậy.

Nay chị Hoàng Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất 851 tờ bản đồ số

5 tại xóm 1, xã QT thì ý kiến ông là nhất trí chia theo pháp luật và thống nhất cắt 4 m chiều rộng, 7 m chiều dài làm ngõ đi chung, phần di sản của cụ Tiến để lại thì thống nhất cắt chia cho mẹ con bà K 7 m chiều rộng, chiều sâu kéo hết đất, đối với di sản của bà D để lại bà Q giao cho ông thì ông xin nhận. Đối với tài sản của nhà thờ thì ông và dòng họ sẽ thỏa thuận sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị K trình bày:

Bà lấy ông Hoàng Đình T năm 1986, khi cưới thì bà đã mang thai chị N nhưng khi sinh ra và lớn lên trong các giấy tờ ông T là cha đẻ của chị N, ông T cũng yêu thương chăm sóc chị N như con đẻ. Bà và ông T sinh tiếp được 03 người con là Hoàng Thị H, Hoàng Thị T, Hoàng Thị Đ.

Ông Hoàng Đình Tiến và bà Vũ Thị D có tạo dựng được thửa đất 851 tờ bản đồ số 5 tại xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An, diện tích trong bìa đất là 548 m² nhưng hiện nay đo đạc lại có thể lớn hơn; 02 ngôi nhà xây trên thửa đất trên. Bà và ông T có sửa chữa lại ngôi nhà đang ở, không có tạo dựng được tài sản gì đáng kể, nhưng sau khi ông T mất thì bà đã bồi đắp toàn bộ phần đất lên cao để khỏi mưa lụt và chăm sóc thờ phụng ông T, bà D.

Nay chị Hoàng Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất 851 tờ bản đồ số 5 tại xóm 1, xã QT thì bà thống nhất như yêu cầu của chị Hoàng Thị H, đề nghị Tòa án chia theo pháp luật đối với phần di sản của ông Hoàng Đình T. Bà xin tòa án trích chia cho bà phần công sức tôn tạo bảo quản di sản.

Đối với việc nhà thờ xây lấn sang trên phần đất nông nghiệp của bà thì bà không có ý kiến gì vì bà đã tự nguyện hiến toàn bộ phần đất nông nghiệp cho nhà thờ để xây dựng khuôn viên cho đẹp. Còn về phần cho rằng nhà thờ có một phần diện tích nhỏ xây lấn sang phần đất nông nghiệp của bà thì không đúng vì khi xây nhà thờ phần đất nông nghiệp của bà là đất trũng, còn phần đất ở đất vườn của bà D ông T là phần đất cao hơn, khi xây đã trừ khoảng 50cm mới đến phần đất nông nghiệp của bà. Nên việc lấn chiếm sang đất nông nghiệp hoàn toàn không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đình Q, trình bày:

Ông là đại diện cho dòng họ Hoàng Đình tại xóm 1, xã QT, là chủ tịch hội đồng gia tộc họ Hoàng Đình. Trước đó thì việc thờ cúng được tiến hành tại nhà ông trưởng chi, nhưng sau đó anh em họp bàn xây dựng nhà thờ trên thửa đất của cụ Tiến và cụ D, bà K và bà Q, ông C đều thống nhất. Năm 2018 anh em họp bàn, đến năm 2019 thì xây dựng nhà thờ. Khi xây nhà thờ thì vùng đất nông nghiệp của bà K vẫn còn là vùng đất trũng, nên khi xây đã trừ khoảng hơn 50cm để trừ lại phần đất nông nghiệp cho bà K nên phần nhà thờ xây dựng hoàn toàn trên phần đất ở và đất vườn của ông Tiến bà D được cấp. Cuối năm 2019 thì bà K cho phần đất nông

nghiệp của bà K để dòng họ đồ sên và xây tường bao. Nay chị H yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Tuyển để lại là thửa đất này thì ý kiến của ông về phần nhà thờ này là phần nhà thờ xây dựng trên đất của ông T bà D nên khi phân chia nên giao cho ông C quản lý, sau đó ông C và dòng họ sẽ thỏa Tận sau. Về việc phân chia tài sản của ông Tiên để lại thì nhất trí như các đồng thừa kế đã thỏa Tận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị N, Hoàng Thị T, Hoàng Thị Đ thống nhất trình bày:

Các chị thống nhất như nguyên đơn trình bày về quan hệ huyết thống và tài sản của cụ T để lại. Các chị thống nhất yêu cầu chia tài sản của cụ T để lại theo quy định pháp luật. Phần tài sản của các chị được hưởng thì đề nghị Tòa án giao lại cho bà Vũ Thị K được quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận, chia phần di sản của ông T để lại theo quy định pháp luật, thống nhất cắt 4 m chiều rộng làm ngõ đi chung và cắt cho bà Vũ Thị K được hưởng phần đất có kích thước chiều rộng 7m và chiều dài kéo hết đất từ phía Nam thửa đất đến phía Bắc thửa đất, diện tích 185,1 m². Chị H, chị T và chị Đ thống nhất giao phần đất vườn của mình được hưởng cho ông C được quản lý sử dụng và giao phần đất ở của mình được nhận cho bà K sử dụng. Ông C và bà Q thống nhất giao phần đất ở của mình được nhận cho bà K sử dụng để đảm bảo việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 851, tờ bản đồ 5 diện tích 548 m² (trong đó đất ở 200 m² và đất vườn 348 m²); theo bản đồ 299 là thửa 851 tờ bản đồ số 5 diện tích 748 m²; theo bản đồ địa chính là thửa 457 tờ bản đồ số 11 diện tích 920 m² nay theo bản đồ số là thửa 77 tờ bản đồ số 22, diện tích 910,3 m² tại xóm 1, xã QT, huyện QL, có diện tích đo đạc thực tế là 976,7 m², bao gồm cả phần có nhà thờ xây dựng, có tứ cận cụ thể: Phía Bắc giáp đất ở thửa 72 và đất nông nghiệp thửa 219 của bà Hồ Thị T dài 33,17 m; Phía Nam giáp đất nông nghiệp thửa 104 và đất ở thửa 105 ông Hồ Sỹ N dài 32,67 m ; Phía Đ giáp đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K dài 31,7 m; Phía Tây giáp đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K và ngõ đi dài 29,24m.

Giá trị thửa đất tại thời điểm định giá: Đất ở 1.000.000đồng/m² x 200 m² = 200.000.000 đồng; đất vườn 500.000 đồng/m² x 348 m² = 174.000.000 đồng, tổng cộng 374.000.000 đồng.

Tài sản trên đất gồm: 02 Nhà cấp bốn đã cũ nát, 01 nhà chăn nuôi đã cũ nát, không còn giá trị sử dụng, 02 nhà thờ, tường bao. Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản trên đất, phần tài sản nằm trên phần đất của ai thì người đó

được hưởng.

Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn đã nộp chi phí tố tụng và tự nguyện chịu, không yêu cầu ai trích trả.

Kết quả xác minh tại UBND xã QT: Thửa đất 851 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ 299) tại xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An là tài sản chung của ông Hoàng Đình T và bà Vũ Thị D. Qua kiểm tra hồ sơ đất đai cho thấy diện tích của thửa đất này có sự thay đổi khác nhau giữa các bản đồ theo từng thời kỳ, nhưng ranh giới sử dụng ổn định, không tranh chấp với các hộ liền kề, hình thể thửa đất có sự thay đổi giữa bản đồ 299 và bản đồ địa chính đo năm 1996. Tuy nhiên tại vùng đất này đất ở, đất vườn, đất nông nghiệp nằm sát nhau nên thời điểm đo đạc lại bản đồ số thì đoàn đo đạc không biết nên đã vẽ thửa đất có hình thể khác so với bản đồ địa chính và có một phần diện tích của nhà thờ xây sang đất nông nghiệp của bà K là 9,6 m². Thực tế đất ở đất vườn của cụ T và cụ D là điểm phía Nam thửa đất kéo thẳng lên phía nhà thờ và có đoạn tua ra ở phía Bắc thửa đất. Nay chị H yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế của ông T để lại thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, có phần nhà thờ xây lấn sang phần đất nông nghiệp của bà K thì sẽ giải quyết hành chính sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nhiều lần không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H. Chia di sản thừa kế của ông Hoàng Đình Tiến để lại theo pháp luật là ½ diện tích đất tại thửa 851 tờ bản đồ số 5 tại xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Đối với phần của cụ D để lại, bà Q xin giao cho ông C được quyền sử dụng sở hữu nên cần công nhận sự tự nguyện này của đương sự. Về án phí: Ông C, bà Q, bà K, chị N được miễn án phí theo quy định. Chị H, chị T, chị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, bất động sản và bị đơn bà Hoàng Thị Q có đăng ký hộ khẩu tại xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An, các bên không có thỏa Tận về giải quyết tranh chấp. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T, Hoàng Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quyền yêu cầu chia thừa kế, thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

Cụ Hoàng Đình Tiến chết ngày 07/7/1994 (theo giấy chứng tử số 76/TLKT-BS ngày 17/4/2023). Căn cứ vào Điều 611 Bộ luật Dân sự xác định thời điểm mở thừa kế của ông T là ngày 07/7/1994. Chị H là con đẻ ông Hoàng Đình T. Do đó chị H có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hoàng Đình T để lại. Ngày 23/10/2023, chị Hoàng Thị N là có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế nhưng đến ngày 26/8/2024 có đơn xin rút đơn khởi kiện để các đương sự tự thỏa thuận với nhau, nhưng sau đó các đương sự không thỏa Tận giải quyết được với nhau nên ngày 30/9/2024 chị Hoàng Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự 2015, tuy nhiên các đương sự đều thống nhất không áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành thụ lý vụ án về chia tài sản thừa kế là đúng quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định di sản thừa kế của ông Hoàng Đình T để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 851 tờ bản đồ 5 diện tích 548 m² (trong đó đất ở 200 m² và đất vườn 348 m²) theo bản đồ 299 là thửa 851 tờ bản đồ số 5, diện tích 748 m², theo bản đồ địa chính đo năm 1996 là 457 tờ bản đồ số 11, diện tích 920 m² và theo bản đồ đo số năm 2015 là thửa số 77 tờ bản đồ số 22 diện tích 910,3 m², nay có số đo thực tế là 976,5 m² tại xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Các tài sản trên đất của ông T và bà D để lại là 02 ngôi nhà cấp bốn và nhà chăn nuôi hiện nay đã cũ nát, không còn giá trị sử dụng. Tuy nhiên, chị H chỉ yêu cầu chia tài sản là đất ở, đất vườn tại thửa đất số 851 tờ bản đồ số 8 tại xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Tài sản trên đất cũng như đất nông nghiệp, các đương sự không ai có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét. Về diện tích đất chia thừa kế, qua điều tra xác minh cho thấy diện tích đất đối với thửa đất trên có sự thay đổi tăng lên qua từng bản đồ các thời kỳ, mặc dù phần ranh giới thửa đất không tranh chấp với ai, hình thể thửa đất không thay đổi nhưng có một phần tài sản là nhà thờ xây dựng sang đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K có diện tích 9,6 m². Do đó, Hội đồng xét xử xác định chia tài sản thừa kế của cụ Hoàng Đình T để lại có chung với cụ Vũ Thị D là $\frac{1}{2}$ thửa đất 851 tờ bản

đồ số 5 diện tích thực tế sau khi trừ đi đất nông nghiệp là 966,9 m². Vì vậy xác định phần diện tích là di sản của ông T là 483,45 m².

[2.3] Về việc chia tài sản thừa kế theo pháp luật: Theo trình bày của ông Hoàng Anh C và bà Hoàng Thị Q thì ông Hoàng Đình T trước khi chết có để lại di chúc nhưng qua nội dung di chúc cho thấy di chúc không ghi rõ ràng tài sản được hưởng. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Anh C không đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc, nhất trí chia thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng Đình T và nhất trí cắt chia phần đất là di sản của cụ T để lại cho bà K có kích thước rộng 7m và chiều dài kéo hết thửa đất từ phía Bắc xuống phía Nam.

Do đó, Tòa án xác định chia tài sản thừa kế của ông Tiến để lại theo pháp luật như yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4] Về người thừa kế: Căn cứ tại điểm a, Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d, Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT TANDTC - VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, thì xác định cụ Vũ Thị D là vợ hợp pháp của cụ Hoàng Đình T và chết sau cụ T, bà Vũ Thị K lấy cụ T năm 1986 nhưng tại thời điểm đó cụ D đang còn sống và đang còn quan hệ hôn nhân với cụ T, do đó bà K không xác định là vợ hợp pháp của cụ Hoàng Đình T. Đối với chị Hoàng Thị N không phải là con đẻ của cụ Hoàng Đình T, chị N là con riêng của bà K, vợ không hợp pháp của cụ T. Nhưng trong giấy tờ khai sinh và các giấy tờ tùy thân khác đều thể hiện cụ Hoàng Đình T là cha đẻ chị Hoàng Thị N, các đương sự đều thừa nhận chị N sinh ra đến khi lớn lên thì được ông T chăm sóc yêu thương như con đẻ, do đó cũng cần xem xét cho chị N được hưởng thừa kế của cụ Hoàng Đình T như trường hợp quy định tại Điều 653 Bộ luật dân sự. Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự những người Tộc hàng thừa kế của ông T gồm 06 người: Bà Vũ Thị D, bà Hoàng Thị Q, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị T và Hoàng Thị Đ. Đối với ông Hoàng Anh C là cháu ruột của ông Hoàng Đình T, do hàng thừa kế thứ nhất của ông T vẫn còn nên ông C không Tộc trường hợp được hưởng di sản của ông Tiến. Sau khi cụ T chết, thì bà K là người trực tiếp ở trên thửa đất, ông C không trực tiếp ở trên đất, nhưng ông có công thờ cúng hương hỏa cho cụ T, cụ D, có công bồi trồng và trồng hoa màu để làm tăng giá trị di sản, do đó cần xác định ông C và bà K đều có công sức đối với thửa đất trên.

[2.5] Về việc phân chia di sản:

Thửa 851, tờ bản đồ số 5 có diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 548 m², trong đó 200 m² đất ở và 348 m² đất vườn tại xóm 1, xã QT, huyện QL, nay có số đo thực tế là 966,5 m² (200 m² đất ở và 766,5 m² đất vườn)

nên tổng giá trị thửa đất là 583.200.000 đồng. Bà Vũ Thị K và ông Hoàng Anh C được tính mỗi người được phần công sức bằng một suất thừa kế.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thống nhất được cách phân chia di sản. Xét thấy việc thỏa Tận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Do đó, cần công nhận sự thỏa Tận của đương sự tại phiên tòa, cắt 28 m² đất vườn trong tổng số diện tích đất của ông T và bà D để lại làm ngõ đi chung. Phần còn lại của thửa đất là 938,5 m², phần di sản của ông Tiến để chia thừa kế được xác định là 469,25 m² (trong đó đất ở 100 m² và đất vườn 369,25 m²); mỗi suất thừa kế là 58,65 m² (trong đó đất ở là 12,5 m² và đất vườn 46,15 m²), tương đương với số tiền 35.575.000 đồng. Các đương sự đều thống nhất trích chia cho bà K được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 185,1 m² (trong đó đất ở 87,5 m² và đất vườn 97,6 m²) theo tứ cận: Phía bắc giáp thửa 72 đất ở của bà Hồ Thị T dài 7m; Phía Nam giáp phần ngõ đi chung dài 7m; phía Đ giáp phần di sản của bà Vũ Thị D chưa chia dài 26,16 m²; phía tây giáp đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K dài 25,24m. Căn cứ vào Quyết định 34/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về hạn mức tối thiểu cấp đất ở là 80 m² tại địa bàn xã xã QT, huyện QL. Do đó để đảm bảo thi hành án, cần lấy phần di sản được chia của chị N, bà K, phần đất ở của chị H, chị T, chị Đ, bà Q, ông C và 5,3 m² đất vườn của chị H, để đủ diện tích 185,1 m² (trong đó đất ở 87,5 và đất vườn 97,6 m²). Phần đất vườn còn lại của chị H, chị T, chị Đ giao lại cho ông Hoàng Anh C được quyền sử dụng.

Ông C được nhận phần đất 284,15 m² trong đó đất ở 12,5 m² và đất vườn là 271,65 m² (gồm toàn bộ phần của bà D được hưởng của ông Tiến, toàn bộ phần đất vườn của ông C, bà Q, chị T, chị Đ và 40,8 m² đất vườn của chị H).

Trên phần đất của bà K được nhận có ngôi nhà cấp bốn diện tích 45 m² hiện nay đã cũ nát, sụp đổ một phần, các đương sự thống nhất tự tháo dỡ để đảm bảo thi hành án, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[4] Đối với phần di sản của bà Vũ Thị D là 469,25 m², bà Q là người thừa kế duy nhất của bà D, bà Q cũng thống nhất nhận phần di sản của mình được nhận từ việc phân chia di sản của ông T và nhập vào phần di sản của bà D mà bà được hưởng và đề nghị Tòa án giao cho ông Hoàng Anh C được quyền trực tiếp sử dụng, quản lý.

Việc tặng cho của bà Q là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, do đó cần ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự và giao phần đất từ việc phân chia thừa kế của cụ T và phần di sản của cụ D để lại cho ông C được quản lý sử dụng. Nên ông C được quản lý sử dụng đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất là 753,8 m² (trong đó đất ở 112,5 m² và đất vườn 641,3 m²).

Về phần đất có xây dựng nhà thờ sau này ông Hoàng Anh C có nguyện vọng giao lại cho nhà thờ thì giải quyết ở quan hệ pháp luật khác.

Đối với phần tài sản là nhà thờ có xây dựng lấn sang phần đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K 9,6 m² nhưng bà K cũng thống nhất tặng cho và không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó đối với phần xây dựng này sẽ được cơ quan thẩm quyền giải quyết theo quy định ở quan hệ pháp luật khác.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị Hoàng Thị H tự nguyện chịu nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự.

[4] Về án phí: Bà Hoàng Thị Q, bà Vũ Thị K, ông Hoàng Anh C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Chị Hoàng Thị N thuộc trường hợp hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định. Chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị T, Hoàng Thị Đ mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.779.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 184, 227, 246, 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 653 khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015. Các Điều 167, 169, 210 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H.

2.1. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự như sau:

Di sản của ông Hoàng Đình T và bà Vũ Thị D để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 851, tờ bản đồ 5 diện tích 548 m², nay có diện tích là 966,5 m² (trong đó 200 m² đất ở và 766,5 m² đất vườn) tại xóm 1, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số H 253867 ngày 01 tháng 01 năm 1996 (vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1022) mang tên Vũ Thị D. Các đương sự thống nhất:

2.2. Cắt phần đất 28 m² đất vườn làm ngõ đi chung, có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất của bà Vũ Thị K được nhận dài 7m; Phía Nam giáp đất ở và đất nông nghiệp của ông Hồ Sỹ Nhật dài 7m; Phía Đ giáp phần đất tạm giao cho bà Hoàng Thị Q và phần đất bà Q được nhận dài 4m; Phía Tây giáp ngõ đi và phần đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K dài 4m (có sơ đồ kèm theo)

2.3. Chia di sản của ông Hoàng Đình T để lại theo pháp luật là ½ diện tích đất sau khi trừ đi phần đất làm ngõ đi chung là 469,25 m² (trong đó đất ở 100 m² và đất vườn 369,25 m²).

2.4. Giao cho bà Vũ Thị K được quyền sử dụng diện tích đất 185,1 m² (Trong đó 87,5 m² đất ở và 97,6 m² đất vườn), có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 72 đất ở bà Hồ Thị Tính dài 7 m; Phía Nam giáp ngõ đi chung dài 7m; Phía Đ giáp phần đất của bà Hoàng Thị Q được nhận và tạm giao dài 26,16m; Phía Tây giáp đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K dài 25,24m (Có sơ đồ kèm theo)

2.5. Giao cho ông Hoàng Anh C được quyền sử dụng diện tích 753,8 m² (trong đó đất ở 112,5 m² và đất vườn 641,3 m²) và toàn bộ tài sản trên phần đất này là 02 nhà thờ, 01 nhà cấp bốn đã cũ nát, 01 nhà chăn nuôi đã cũ không còn giá trị sử dụng cho ông Hoàng Anh C được quyền sử dụng, quản lý, có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ở thửa 72 và đất nông nghiệp thửa 219 của bà Hồ Thị T dài 27,44 m; Phía Nam giáp đất nông nghiệp thửa 104 và đất ở thửa 105 ông Hồ Sỹ Nhật dài 25,69 m; Phía Tây giáp phần đất của bà Vũ Thị K được nhận và ngõ đi chung dài 30,16 m; Phía Đ giáp đất nông nghiệp của bà Vũ Thị K dài 30,03 m (Có sơ đồ kèm theo).

3. Các bên đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của nguyên đơn chị Hoàng Thị H.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.779.000đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0005666 ngày 01 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Chị H còn phải nộp 529.000 đồng. Chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị Đ phải nộp mỗi người 1.779.000 (Một triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Bà Vũ Thị K, bà Hoàng Thị Q, chị Hoàng Thị N, ông Hoàng Anh C được miễn án phí theo quy định.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

7. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà